TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 79/2025/DS-ST Ngày: 28 - 5 - 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn

2. Ông Lê Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-DS ngày 09/01/2025; về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Tân X, sinh năm: 1958;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bà Lê Thị Bích H1, sinh năm: 1981;
Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

(Nguyên đơn bà X có mặt; Bị đơn: ông H, bà H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Tân X trình bày:

Do vợ chồng ông Phạm Thanh H2 và bà Lê Thị Bích H1 nhận bà Huỳnh Tân X là mẹ nuôi từ năm 2019 nên vào ngày 30/01/2024, ông H2, bà H1 có hỏi vay của bà số tiền 220.000.000đồng và hẹn vào ngày 15/02/2024 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà.

Ngoài ra, bà H1 còn tham gia dây hụi ngày 10/01/2024, thời gian của dây hụi là 20 tháng, trong đó ông H2, bà H1 tham gia chơi 05 phần hụi với số tiền là 5.000.000đồng, do bà T, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An làm chủ hụi. Ông H2, bà H1 đã hốt 02 phần hụi với số tiền là 36.000.000đồng nhưng không đóng lại hụi chết nên bà X phải đóng hụi chết thay với số tiền mỗi tháng là 2.000.000đồng, tính đến ngày 10/8/2025 số tiền hụi chết bà X đã đóng thay cho ông H2, bà H1 là 34.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà X yêu cầu ông H2, bà H1 phải trả cho bà tiền vay là 220.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/4/2024, lãi suất trên nợ gốc là 1,6%/01 tháng với số tiền là 10.560.000đồng và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 01/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời. Bà X yêu cầu ông H2, bà H1 trả tiền hụi "chết" cho bà với số tiền 34.000.000đồng. Cùng với đơn khởi kiện bà X có cung cấp "Giấy mượn tiền" ngày 30/01/2024 theo bà X trình bày là do bà Lê Thị Bích H1 ký và "Bản cam kết" ngày 17/10/2024 do ông Phạm Văn H ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X xác định ông H đã trả cho bà được 4.000.000đồng tiền vay, còn lại nợ gốc là 216.000.000đồng. Do đó, nay bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà H1 trả cho bà tiền nợ vay gốc với số tiền 216.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất 1,6% x 03 tháng (tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/4/2024) là 10.368.000đồng, bà X yêu cầu ông H, bà H1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ vay gốc và tiền lãi tổng cộng là 226.368.000đồng, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 01/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, bà X rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, về việc yêu cầu ông H, bà H1 trả tiền nợ hụi với số tiền là 34.000.000đồng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 18/02/2025 ông Phạm Văn H trình bày: Ông H thừa nhận chữ viết, chữ ký trong "Bản cam kết" ngày 17/10/2024 do bà X cung cấp là của ông viết và ký. Ông H và bà H1 có vay của bà Huỳnh Tân X số tiền là 220.000.000đồng và thỏa thuận tiền lãi với mức lãi suất là 1,6%/tháng. Ông H có trả cho bà X được 4.000.000đồng, hiện còn nợ gốc là 216.000.000đồng. Ông đồng ý trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà X tổng cộng 226.368.000đồng như bà X yêu cầu nhưng đề nghị bà X cho ông trả dần mỗi tháng với số tiền là 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình ông đang lâm vào khó khăn.

Bị đơn bà Lê Thị Bích H1 được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà H1 không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Tân X. Tại phiên tòa bà H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy mượn tiền ngày 30/01/2024, Bản cam kết ngày 17/10/2024, Bản tự khai các ngày 18/02/2025, 24/3/2025, ngày 06/5/2025, bản tường trình của ông Dương Văn Ẩ; Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 18/02/2025; Tài liệu ghi "Trả Tiền Bà nội và M"

Bà X, ông H xác định ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để cung cấp, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, triệu tập hoặc đưa thêm người tham gia tố tụng khác vào trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà Huỳnh Tân X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Thanh H2 và bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 216.000.000 đồng và lãi suất 1.6%/tháng tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/4/2024 là 03 tháng X 216.000 000đồng X 1,6% = 10.368.000 đồng, tổng cộng là 226.368.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Tân X cung cấp Giấy mượn tiền ngày 30/01/2024, Bản cam kết ngày 17/10/2024 của ông H2.

Ông H2 đồng ý trả tiền vay cho bà X nhưng hiện nay thu nhập kinh tế của gia đình ông H2 đang lâm vào khó khăn nên đề nghị bà X cho ông H2 trả dần số tiền nợ trên là 1.000.000 đồng/01 tháng.

Qua việc xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như xem xét đơn yêu cầu của đương sự, thấy rằng:

Theo Giấy mượn tiền ngày 30/01/2024 thể hiện bà H1 có mượn của bà X số tiền 220.000.000 đồng thời hạn vay từ 30/1/2024 đến ngày 15/2/2024.

Ông Phạm Thanh H2 xác định bản cam kết ngày 17/10/2024 là do ông ký và ông thừa nhận ông cùng vợ ông là bà Lê Thị Bích H1 có nợ của bà Huỳnh Tân X số tiền 220.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/01/2024. Ông H2 đã trả cho bà X được 4.000.000 đồng còn nợ 216.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn bà Lê Thị Bích H1 vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ, cũng như không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra.

Do đó, bà Huỳnh Tân X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Thanh H2 và bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền số tiền 216.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Về việc ông H2 xin trả dần 1.000.000 đồng/01 tháng do hoàn cảnh khó khăn thì không có cơ sở để chấp nhận vì không được bà X đồng ý và pháp luật không có quy định về việc trả dần.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 34.000.000 đồng do bà X rút yêu cầu khởi kiện đối với việc này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 Luật HNGĐ, Điều 357, 463, 466, 468 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn khởi kiện của Nguyên đơn bà Huỳnh Tân X về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Bích H1 trả 220.000.000đồng tiền vay và 34.000.000đồng tiền nợ hụi nên xác

định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hụi"; Căn cứ vào các kết quả xác minh ngày 08/7/2024 của Công an xã T, huyện B xác định bị đơn ông Phạm Thanh H2 đang cư trú tại ấp A,xã T, huyện B, tỉnh Long An; Xác minh ngày 25/12/2024 của Công an thị trấn Đ, huyện Đ xác định bị đơn bà Lê Thị Bích H1 đang cư trú tại khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nguyên đơn bà Huỳnh Tân X khởi kiện các bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết tranh chấp là đúng quy định về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và vắng mặt của đương sự:

Theo Đơn khởi kiện, bà Huỳnh Tân X khởi kiện ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 nên căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Huỳnh Tân X là nguyên đơn, ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 là bị đơn. Tại bản trường trình ngày 03/3/2025, ông Dương Văn Â là chồng của bà Huỳnh Tân X trình bày ông thống nhất với mọi ý kiến, trình bày của bà X, không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án. Ông Â đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng nên không xác định ông Â là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị Bích H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt từ khi thụ lý vụ án; bà H1 và ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào "*Giấy mượn tiền*" ngày 30/01/2024, "*Bản cam kết*" ngày 17/10/2024 của ông Phạm Văn H do Nguyên đơn cung cấp xác định giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Tân X rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Bích H1 trả tiền nợ hụi là 34.000.000đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ các Điều 5, Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp "hụi" với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Bích H1 với số tiền hụi là 34.000.000đồng.

[5.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay gốc là 216.000.000 đồng: Bà X trình bày ông H, bà H1 có vay của bà 220.000.000đồng, ông H, bà H1 có ký nhận theo "*Giấy mượn tiền*"ngày 30/01/2024 và "*Bản cam Kết*" ngày 17/10/2024. Do ông H đã trả cho bà X được 4.000.000đồng nên nay bà X yêu cầu ông H và bà H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền nợ gốc là 216.000.000đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Bích H1 được Tòa án triệu tập từ khi thụ lý vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà H1 đối với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà X.

Xét, nội dung các tài liệu do nguyên đơn cung cấp: tại "*Giấy mượn tiền*"ngày 30/01/2024 thể hiện: "…*Tôi Lê Thị Bích H1…Tôi có mượn của Ông (bà) Huỳnh Tân*

X, sinh năm 1958; Hiện ngụ tại ấp A, xả T, huyện B, tỉnh Long An. Tổng số tiền mượn là 220.000.000đồng…Tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 15/02/2024 tôi hoàn trả lại" và "*Bản cam Kết*" ngày 17/10/2024 có nội dung như sau: "*...Tôi thừa nhận tôi và vợ tôi là Lê Thị Bích H1 nợ Ba Huỳnh Tân X: Số tiền vay là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãy theo mức lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 30/01/2024; Tuy nhiên hiện tại do tôi đang gặp khó khăn nên tôi xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi hết nợ."*

Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2025 ông H thừa nhận "*Bản cam Kết*" ngày 17/10/2024 do bà X cung cấp là do ông viết và ký, ông đã trả cho bà X được 4.000.000đồng, hiện còn nợ bà X số tiền là 216.000.000đồng. Lời trình bày của ông H về số tiền vay, số tiền ông đã trả cho bà X đúng như lời trình bày của X, phù hợp với nội dung các tài liệu do nguyên đơn cung cấp là "*Giấy mượn tiền*" ngày 30/01/2024 và "*Bản cam kết*" ngày 17/10/2024 trên. Đồng thời, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì sự thừa nhận của bị đơn được xem là tình tiết không cần phải chứng minh nên có căn cứ xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập Hợp đồng vay tiền có kỳ hạn với số tiền là 220.000.000đồng, thời hạn vay từ ngày 30/01/2024 đến ngày 15/02/2024, ông H có trả cho bà X 4.000.000đồng hiện nay ông H, bà H1 còn nợ tiền vay gốc của bà X số tiền là 216.000.000đồng chưa thanh toán.

Bà X, ông H và bà H1 là chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các đương sự thỏa thuận vay tài sản trên cơ sở nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và bên có nghĩa vụ phải thực hiện khi tham gia giao dịch được quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay nên nguyên đơn bà X khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 có nghĩa vụ trả liên đới trả cho 216.000.000 đồng đồng tiền nợ gốc là có sở và đúng quy định của pháp luật.

[5.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Huỳnh Tân X yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền lãi 03 tháng (từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/4/2024) với lãi suất là 1,6% trên số tiền nợ gốc 216.000.000đồng với số tiền là 10.368.000đồng. Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2025, ông Phạm Văn H thừa nhận ông với bà H1 có thỏa thuận với bà X về lãi suất vay trên số tiền nợ gốc là 1,6%/tháng nên có cơ sở xác định giữa các đương sự có thỏa thuận về lãi suất và thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với số tiền là 10.368.000đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà X chỉ yêu cầu ông H, bà H1 trả 03 tháng tiền lãi, không yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 01/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu của bà X.

[5.4].Về nghĩa vụ liên đới: Do bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 là vợ chồng, khoản tiền nợ hụi trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bị đơn do đó nguyên đơn yêu cầu ông H, bà H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là đúng quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.5] Xét yêu cầu của ông H về việc đề nghị bà X cho ông trả 226.368.000đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng với số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi hết tiền

nợ không được bà X đồng ý. Nhận thấy việc yêu cầu bị đơn trả một lần hay chấp nhận bị đơn trả dần là quyền định đoạt của nguyên đơn, quyền tự định đoạt này phù hợp với quy định của pháp luật và pháp luật cũng không có quy định nào cho phép trả dần tiền nợ vay khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không có cơ sở để Hội đồng chấp nhận yêu cầu trả dần tiền nợ của ông H.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Tân X là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1. Buộc bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Tân X số tiền vay là 226.368.000đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Tân X được Tòa án chấp nhận; Nguyên đơn bà Huỳnh Tân X là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm h khoản 1 Điều 40; các Điều 92, 147, 227, 228 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tân X về việc tranh chấp "hụi" với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị Bích H1 với số tiền hụi là 34.000.000đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Tân X về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Tân X số tiền nợ vay và tiền lãi là 226.368.000đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn*).

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Bích H1 có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.318.400đồng (*Mười một triệu ba trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Ẩn **Lê Văn Thuận** **Nguyễn Thành Nam**